

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Thời gian: Vào lúc 08h00 ngày 19/06/2015

Địa điểm : Hội trường Apollo 02, Lầu 2, Khách sạn Liberty Central Saigon CityPoint,
 59 – 61 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Stt	Nội dung làm việc
I. ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông tham dự - Kiểm tra tư cách Cổ đông, thủ tục đăng ký tham dự - Phát tài liệu và phiếu biểu quyết cho Cổ đông
II. KHAI MẠC ĐẠI HỘI	
	<ul style="list-style-type: none"> - Khai mạc Đại hội và giới thiệu thành phần tham dự - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự - Giới thiệu và thông qua danh sách Chủ tọa Đại hội, Thư ký, Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình Đại hội - Thông qua quy chế Đại hội - Thông qua thể lệ bầu cử, thể lệ biểu quyết tại Đại hội
III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
1	Báo cáo hoạt động năm 2014 và kế hoạch hoạt động 2015 của HĐQT
2	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2014, kế hoạch SXKD năm 2015 của Giám đốc Công ty
3	Tờ trình phê duyệt kết quả hoạt động SXKD năm 2014 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014
4	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2014
5	Tờ trình phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2015
6	Báo cáo hoạt động năm 2014 và kế hoạch hoạt động năm 2015 và Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Ban kiểm soát
7	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm 2015
8	Tờ trình thông qua việc ký kết hợp đồng với người có quyền và lợi ích liên quan (Hợp đồng cho thuê tàu trần FSO PVN Dai Hung Queen)
9	Tờ trình thông qua việc ký kết Thỏa thuận khung giữa PVTrans và Pacific
10	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và kế hoạch thù lao năm 2015
11	Tờ trình Phê chuẩn việc thay thế thành viên HĐQT
12	Bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát
IV. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI	
1	Thông qua kết quả kiểm phiếu của Đại hội
2	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội
	Bế mạc Đại hội

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP VTK THÁI BÌNH DƯƠNG

Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans Pacific) kính trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2014 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2015 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị năm 2014 gồm 5 thành viên:

- Ông Trần Tuấn Nam – Chủ tịch HĐQT - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);
- Ông Lê Mạnh Tuấn – Ủy viên HĐQT/Giám đốc - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);
- Ông Nguyễn Ngọc Linh – Ủy viên HĐQT/Phó Giám đốc - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);
- Ông Vũ Quang Đông - Ủy viên HĐQT - Đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS) ;
- Ông Dương Quang Tạo - Đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI).

2. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, chỉ đạo điều hành, giám sát, quản lý hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tham gia trao đổi và tổ chức các phiên họp định kỳ để trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trong từng giai đoạn.

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp (kể cả tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản), ban hành 01 Nghị quyết và 16 Quyết định để chỉ đạo triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị Công ty như sau:

- Phê duyệt và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 và nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014;
- Phê duyệt định biên và Quỹ lương năm 2014, phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014.
- Tổ chức Đại hội cổ đông năm 2014 và chỉ đạo tổ chức, triển khai Nghị quyết Đại hội.

- Sửa đổi/ban hành một số quy chế của Công ty để tăng cường việc quản lý tài chính, cụ thể như sau:
 - Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý dòng tiền của Công ty;
 - Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả của Công ty.
- Phê duyệt các vấn đề liên quan đến dự án chuyển đổi tàu vận tải dầu thô 105.000 DWT thành FSO phục vụ cho mỏ Đại Hùng, bao gồm:
 - Phê duyệt phương án vay 10 triệu USD cho dự án hoán cải tàu dầu thô 105.000 DWT thành FSO phục vụ cho mỏ Đại Hùng;
 - Điều chỉnh kế hoạch đấu thầu gói thầu “Bảo hiểm tàu trong thời gian hoán cải” và phê duyệt kế hoạch đấu thầu chi tiết hạng mục vật tư, thiết bị và dụng cụ cho tàu thuộc dự án chuyển đổi tàu 105.000 DWT thành FSO phục vụ cho mỏ Đại Hùng;
 - Thông qua các nội dung sửa đổi và ký phụ lục bổ sung và điều chỉnh Hợp đồng thế chấp tài sản PL01/HD2009/VTDKTBĐ-TĐDK thuộc dự án chuyển đổi tàu 105.000 DWT thành FSO phục vụ cho mỏ Đại Hùng.
- Phê duyệt Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015;
- Sửa đổi/ ban hành các quy chế, quy định quản trị nội bộ: Sửa đổi và ban hành “Quy chế quản lý và định mức hành chính của Công ty”;
- Các nội dung khác.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin cho Ban kiểm soát của Công ty để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành trong quản lý và điều hành doanh nghiệp.

3. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc

Hội đồng Quản trị giám sát điều hành hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Quy chế hoạt động và phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc và các quy chế nội bộ khác của Công ty Pacific.

Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty thông qua việc tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp định kỳ giao ban cũng như các cuộc họp sơ kết/tổng kết và các cuộc họp nội bộ của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động và chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD qua các báo cáo, tờ trình của Giám đốc và Ban điều hành.

Hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Giám đốc cùng Ban điều hành chủ động và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.

Giám đốc đã nhận thức rõ những khó khăn, thuận lợi và thách thức của Công ty nên đã chủ động, linh hoạt và quyết liệt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ nhằm kiểm điểm các công việc đang tiến hành, củng cố, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và chỉ đạo kịp thời đem lại hiệu quả kinh doanh. Trong quá trình điều hành, Giám đốc Công ty đã hết sức nỗ lực, quyết liệt trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án đóng tàu, thu hồi công nợ, đấu tranh chống lại những hành vi làm tổn hại lợi ích và thương hiệu Công ty.

Nhìn chung, trong năm qua, Giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý điều hành, bám sát các mục tiêu phương hướng và phối hợp giữa HĐQT để

triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành. Ban Giám đốc cũng đã tạo được mối quan hệ tốt giữa người lao động và người sử dụng lao động, đó cũng là động lực thúc đẩy toàn thể CBCNV và Ban lãnh đạo Công ty đoàn kết một lòng, quyết tâm hoàn thành vượt mức kế hoạch trong năm 2014.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2014

Năm 2014 lĩnh vực vận tải quốc tế nói chung và vận tải dầu khí nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với sức cạnh tranh của thị trường vận tải, tập thể lãnh đạo và người lao động đã phải hết sức nỗ lực, bám sát thị trường, phối hợp với khách hàng thực hiện điều độ khai thác đội tàu, vừa đảm bảo mục tiêu hiệu quả kinh doanh khai thác vừa đảm bảo an toàn cho hoạt động của Nhà máy lọc dầu và tránh tanktop cho các Mỏ.

Bên cạnh đó, Ban điều hành đã kiên trì và quyết liệt thực hiện các giải pháp đã đề ra, tăng cường quản lý chi phí nhiên liệu, dầu nhớt nên tiết kiệm được chi phí, giảm được giá thành sản xuất kinh doanh, linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

Kết quả đạt được trong hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2014 như sau:

- Tổng doanh thu đạt 807,64 tỷ đồng, bằng 117% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 18,42 tỷ đồng, tăng vượt mức so với mục tiêu kế hoạch đề ra là đảm bảo không bị lỗ trong năm 2014;
- Nộp ngân sách nhà nước đạt 22,59 tỷ đồng, vượt so với kế hoạch được giao là 100 triệu đồng.

Bên cạnh những kết quả tài chính như trên, trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh doanh, duy trì đều đặn công tác kiểm tra giám sát, sửa đổi, ban hành và thực hiện tốt các quy chế, quy trình quản trị nội bộ, tăng cường quản lý tiết kiệm chống lãng phí, công tác nhân sự được tổ chức tốt, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và các chế độ chính sách cho người lao động.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2015

Năm 2015 được đánh giá sẽ tiếp tục là năm khó khăn chung cho ngành vận tải biển nói chung và cho Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương nói riêng. Trên thị trường quốc tế, giá dầu thô sụt giảm mạnh và thay đổi không theo qui luật kéo theo nhu cầu vận tải dầu thô biến động khó lường, giá cước vận tải có khởi sắc nhưng chưa bền vững, các chủ tàu vẫn chưa bù đắp được chi phí bỏ ra. Tại thị trường nội địa, các khách hàng truyền thống của Công ty như NMLD Dung quất, Tổng Công ty PVOil, Vietsovpetro, Tổng Công ty PVEP, ... đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng do sự suy giảm giá dầu, do vậy sự hỗ trợ từ các đơn vị sẽ phải giảm dần, giá cước vận chuyển giảm đi trong khi chi phí đầu vào không giảm tương ứng.

Bên cạnh những khó khăn, Công ty cũng có nhiều thuận lợi, Công ty luôn được sự ủng hộ, hỗ trợ, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tổng Công ty PV Trans. Công ty cũng luôn nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ từ phía Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt nam, của các đơn vị đơn vị trong ngành như Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình sơn, Tổng Công ty PVOil, Vietsovpetro, Tổng Công ty PVEP, ... Các nhà máy lọc dầu Nghi sơn, Long sơn đang triển khai mở ra thị trường tiềm năng to lớn cho Công ty.

Trên cơ sở những thuận lợi, khó khăn trong năm 2015, HĐQT sẽ thực hiện theo kế hoạch những nhiệm vụ sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015.
- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động SXKD nhằm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015, cụ thể:
 - + Tổng doanh thu: 830,00 tỷ đồng;
 - + Lợi nhuận trước thuế 15,00 tỷ đồng;
 - + Lợi nhuận sau thuế: 11,70 tỷ đồng;
 - + Nộp ngân sách nhà nước là 11,05 tỷ đồng.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD và các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2015 để Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.
- Xem xét, phê duyệt kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến dự án đầu tư đóng mới và hoán cải tàu vận tải dầu thô 105.000 DWT thành Kho nổi chứa xuất dầu (FSO) phục vụ cho mỏ Đại Hùng.
- Tổ chức Đại hội cổ đông năm 2015, tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ theo phương thức tập trung hoặc xin ý kiến bằng văn bản nhằm đảm bảo chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phê duyệt các dự án đầu tư, kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Phê chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Phối hợp với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát nội bộ.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định nâng cao hệ thống quản lý, điều hành nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2015. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Thay mặt HĐQT, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự quan tâm hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí đối với Công ty PVTrans Pacific. Cảm ơn Quý vị Cổ đông đã cùng chia sẻ với Công ty những khó khăn trong thời gian qua. Xin kính chúc Quý vị Cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Minh

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 như sau:

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Thực hiện Nghị quyết số 01/TBD-ĐHĐCĐ-NQ ngày 31/5/2014, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được Deloitte kiểm toán hoàn thành vào ngày 25/3/2015 (file đính kèm) và đã được công bố thông tin đến các cơ quan quản lý và các cổ đông theo đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh của PV Trans Pacific trong năm 2014 như sau:

Dvt: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ TH 2014/KH 2014
1	Vốn điều lệ	942,75	942,75	100%
2	Vốn chủ sở hữu		948,77	
3	Tổng doanh thu	687,39	807,64	117%
4	Lợi nhuận trước thuế	0	18,42	
5	Lợi nhuận sau thuế	0	18,00	
6	Nộp ngân sách nhà nước	0,1	22,59	22593%

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

*Đính kèm: Báo cáo tài chính năm 2014
đã kiểm toán*

Nguyễn Anh Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG**

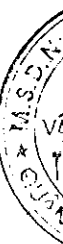
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Tuấn Nam	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên
Ông Dương Quang Tạo	Thành viên
Ông Vũ Quang Đông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

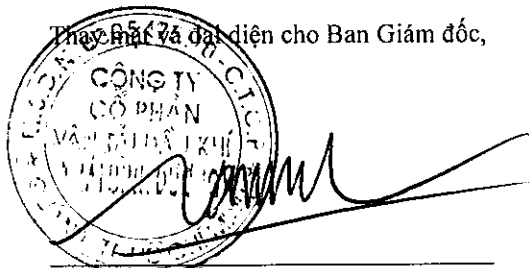
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Mạnh Tuấn

Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Số: 468 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Y. Đức Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Trần Thị Kim Khánh

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

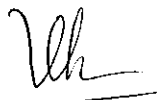
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		850.136.179.765	1.209.999.299.375
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	197.033.770.377	497.230.243.612
1. Tiền	111		7.283.586.661	5.093.882.025
2. Các khoản tương đương tiền	112		189.750.183.716	492.136.361.587
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		414.000.000.000	366.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	414.000.000.000	366.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		188.869.031.307	331.606.185.832
1. Phải thu khách hàng	131		156.486.306.287	253.699.292.059
2. Trả trước cho người bán	132		1.880.585	11.022.197
3. Các khoản phải thu khác	135	7	112.380.844.435	157.895.871.576
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	8	21.696.192.859	9.987.083.385
1. Hàng tồn kho	141		21.696.192.859	9.987.083.385
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.537.185.222	5.175.786.546
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.463.588.851	2.427.705.667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.870.508.127	2.484.384.530
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	6.143.008.244	80.880.349
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		60.080.000	182.816.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.280.660.973.702	1.903.865.324.793
I. Tài sản cố định	220		2.099.277.283.451	1.741.309.324.793
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	569.186.350.603	633.227.879.503
- Nguyên giá	222		982.639.129.633	982.639.129.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(413.452.779.030)	(349.411.250.130)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.530.090.932.848	1.108.081.445.290
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		180.000.000.000	160.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	180.000.000.000	160.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.383.690.251	2.556.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		993.690.251	2.400.000.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		390.000.000	156.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.130.797.153.467	3.113.864.624.168

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


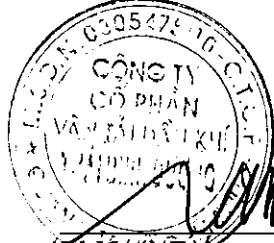
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.182.024.947.544		2.180.222.741.534	
I. Nợ ngắn hạn	310		387.441.133.059		368.054.181.058	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	259.137.381.553		206.120.724.418	
2. Phải trả người bán	312		69.831.019.682		149.948.552.676	
3. Người mua trả tiền trước	313		1.257.096.248		-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	507.964.136		64.684.434	
5. Phải trả người lao động	315		1.921.206.983		2.010.123.612	
6. Chi phí phải trả	316	15	50.322.889.313		2.378.110.233	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	1.270.240.140		7.106.293.674	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.193.335.004		425.692.011	
II. Nợ dài hạn	330		1.794.583.814.485		1.812.168.560.476	
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	1.794.583.814.485		1.812.168.560.476	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		948.772.205.923		933.641.882.634	
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	948.772.205.923		933.641.882.634	
1. Vốn cổ phần	411		942.750.280.000		942.750.280.000	
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.401.849.150		5.401.849.150	
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.874.782.311		1.874.782.311	
4. Lỗ lũy kế	420		(1.254.705.538)		(16.385.028.827)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		3.130.797.153.467		3.113.864.624.168	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014		31/12/2013	
<u>Ngoại tệ các loại:</u>						
- Đô la Mỹ (USD)			180.440		50.635	
- Yên Nhật (JPY)			100		100	
- Đô la Singapore (SGD)			669		1.253	


 Võ Thị Hương
 Người lập biểu


 Nguyễn Thái Đạo
 Phụ trách kế toán



 Lê Mạnh Tuấn
 Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

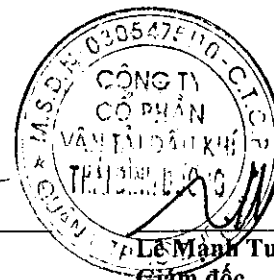
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		750.761.098.224		871.969.224.437	
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		750.761.098.224		871.969.224.437	
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		721.093.721.735		783.921.152.032	
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.667.376.489		88.048.072.405	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	53.645.839.691		53.838.968.135	
6. Chi phí tài chính	22	22	56.832.960.601		63.785.211.672	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.465.154.646		35.371.766.292	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.293.162.126		26.688.969.003	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		15.187.093.453		51.412.859.865	
9. Thu nhập khác	31		3.237.362.440		-	
10. Chi phí khác	32		70.734		-	
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.237.291.706		-	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.424.385.159		51.412.859.865	
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	423.418.877		-	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		18.000.966.282		51.412.859.865	
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	191		545	


Võ Thị Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Phụ trách kế toánLê Mạnh Tuấn
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

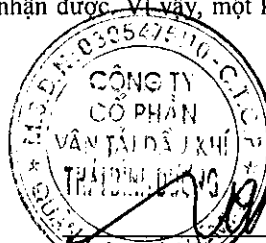
CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>18.424.385.159</i>		<i>51.412.859.865</i>	
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
- Khấu hao tài sản cố định	02	64.041.528.900		64.142.213.612	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	20.030.325.949		12.042.197.690	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(46.143.916.401)		(49.843.719.974)	
- Chi phí lãi vay	06	34.465.154.646		35.371.766.292	
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>90.817.478.253</i>		<i>113.125.317.485</i>	
- Thay đổi các khoản phải thu	09	97.379.709.432		380.419.850.687	
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(11.709.109.474)		9.121.990.167	
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(38.417.765.182)		(343.587.448.616)	
- Thay đổi chi phí trả trước	12	37.093.232		(8.429.393.481)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(34.465.154.646)		(35.371.766.292)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(802.526.498)		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(214.264.000)		(162.353.536)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>102.625.461.117</i>		<i>115.116.196.414</i>	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(419.556.909.744)		(70.734.107.787)	
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(680.135.333.333)		(416.000.000.000)	
3. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn và dài hạn	24	612.135.333.333		120.075.050.000	
4. Tiền thu từ lãi cho vay và lãi tiền gửi	27	69.310.206.250		24.240.609.133	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(418.246.703.494)</i>		<i>(342.418.448.654)</i>	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	221.378.118.066		835.476.776.601	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(206.120.724.418)		(312.506.538.494)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>15.257.393.648</i>		<i>522.970.238.107</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	(300.363.848.729)		295.667.985.867	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	497.230.243.612		201.562.257.745	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	167.375.494		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	197.033.770.377		497.230.243.612	

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ cho vay và lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 8.264.266.087 đồng (năm 2013: 32.509.722.603 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân thay đổi các khoản phải thu.


 Võ Thị Hương
 Người lập biểu


 Nguyễn Thái Đạo
 Phụ trách kế toán


 Lê Mạnh Tuấn
 Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2009 và sửa đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 7 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 16 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 15 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, bốc xếp hàng hóa, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán buôn chuyên doanh khác, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, kinh doanh vận tải đa phương quốc tế.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

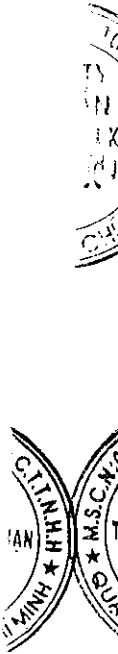
Phương tiện vận tải

Số năm

15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh theo mục đích định trước. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và, ngoài ra, không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	46.660.574	70.629.793
Tiền gửi ngân hàng	7.236.926.087	5.023.252.232
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>189.750.183.716</u>	<u>492.136.361.587</u>
	<u><u>197.033.770.377</u></u>	<u><u>497.230.243.612</u></u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn một tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,9% đến 5,3% (31 tháng 12 năm 2013: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một đến ba tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là 6,8%).

Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với số tiền là 154.749.937.629 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 472.136.115.500 đồng) trong tài khoản đồng chủ sở hữu với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất ("DQS"). Đây là tài khoản dùng để quản lý khoản tiền giải ngân cho dự án đóng tàu có trọng tải 105.000 DWT. Công ty đã chuyển khoản tiền giải ngân vào tài khoản này để cùng DQS quản lý và kiểm soát bằng cách chỉ được chuyển đến tài khoản của DQS khi có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền theo pháp luật và đóng dấu của hai chủ tài khoản kèm theo hồ sơ giải ngân. Công ty được toàn quyền thụ hưởng và sử dụng toàn bộ số tiền lãi phát sinh trong suốt thời gian mở tài khoản đồng chủ tài khoản.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Việt Nam Đồng có kỳ hạn từ sáu đến mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 5,4% đến 7,0% (31 tháng 12 năm 2013: các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ sáu đến mười hai tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 7% đến 11%).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	23.003.200.000	43.003.200.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	187.449.285	2.169.663.844
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	925.603.892	213.285.129
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	-	1.079.166.667
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực II	325.171	-
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	8.264.266.087	31.430.555.936
	<u>112.380.844.435</u>	<u>157.895.871.576</u>

(*) Khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được Ngân hàng xác nhận do đang tranh chấp và chờ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ban Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi số tiền này và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.336.511.158	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	2.986.058.997	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	379.107.621	-
Thuế nhà thầu	-	80.880.349
Thuế khác	441.330.468	-
	<u>6.143.008.244</u>	<u>80.880.349</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>982.639.129.633</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	349.411.250.130
Khấu hao trong năm	64.041.528.900
Tại ngày 31/12/2014	<u>413.452.779.030</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	<u>569.186.350.603</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>633.227.879.503</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí phát sinh trong quá trình đóng tàu có tải trọng 105.000 DWT do Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thực hiện tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2014. Trong năm 2014, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị của dự án đóng tàu này với số tiền là 67.338.682.237 đồng (năm 2013: 53.781.957.765 đồng).

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2013 đã thông qua chủ trương chuyển đổi dự án đầu tư đóng mới tàu chở dầu thô 105.000 DWT thành Kho nổi chứa và xuất dầu phục vụ cho mỏ Đại Hùng. Tổng mức đầu tư theo dự toán mới sẽ tăng từ 104.152.900 đô la Mỹ lên 123.793.660 Đô la Mỹ. Dự án hoàn cải đã bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2014 và theo kế hoạch sẽ hoàn thành vào quý 1 năm 2015.

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí đóng tàu	929.013.481.983	670.300.099.523
Chi phí tài chính	397.344.183.098	357.237.434.780
Chi phí hoàn cải thành FSO	122.515.764.235	-
Chi phí quản lý	37.266.500.000	37.266.500.000
Chi phí thuê chuyên gia giám sát thi công	33.799.795.022	33.799.795.022
Chi phí tư vấn dự án đóng tàu	4.757.968.973	4.757.968.973
Chi phí tư vấn và phê duyệt bản vẽ thiết kế	2.071.981.965	2.071.981.965
Chi phí tư vấn và lựa chọn thiết kế	279.231.183	279.231.183
Chi phí khác	3.042.026.389	2.368.433.844
	<u>1.530.090.932.848</u>	<u>1.108.081.445.290</u>

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 18 tháng đến 24 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 7,2% đến 7,5% (31 tháng 12 năm 2013: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là 11%).

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	259.137.381.553	206.120.724.418
	<u>259.137.381.553</u>	<u>206.120.724.418</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	68.080.339	64.684.434
Thuế khác	439.883.797	-
	<u>507.964.136</u>	<u>64.684.434</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tình hình tăng, giảm khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.226.805.154	1.226.805.154	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	9.169.303.145	11.505.814.303	(2.336.511.158)
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	3.450.361.428	6.436.420.425	(2.986.058.997)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	423.418.877	802.526.498	(379.107.621)
Thuế thu nhập cá nhân	64.684.434	233.655.135	230.259.230	68.080.339
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	(80.880.349)	1.987.020.235	1.466.256.089	439.883.797
Thuế khác	-	483.717.267	925.047.735	(441.330.468)
Tổng	(16.195.915)	16.974.281.241	22.593.129.434	(5.635.044.108)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	<i>80.880.349</i>			<i>6.143.008.244</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>64.684.434</i>			<i>507.964.136</i>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	42.018.826.595	-
Chi phí lãi vay	8.148.545.290	-
Chi phí cầu bến, cảng vụ, hoa tiêu	-	987.000.000
Chi phí vật tư	-	913.190.233
Chi phí khác	155.517.428	477.920.000
	50.322.889.313	2.378.110.233

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	957.552.500	4.549.622.501
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	-	1.141.966.840
Navig8 Pool Inc.	-	879.707.187
Các khoản phải trả, phải nộp khác	312.687.640	534.997.146
	1.270.240.140	7.106.293.674

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng Citibank Việt Nam (1)	1.231.325.556.685	1.420.168.560.476
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2)	530.916.749.759	392.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (3)	32.341.508.041	-
	1.794.583.814.485	1.812.168.560.476

(1) Khoản vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("Tổng Công ty") có tổng hạn mức là 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 98.004.105 Đô la Mỹ) nhằm tài trợ cho dự án mua tàu Athena và đóng mới tàu dầu thô Aframax. Khoản vay này được đảm bảo bằng doanh thu về cước tàu của Công ty, phần vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí vào Công ty và bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chịu lãi suất 5,01%/năm đối với dự án mua tàu Athena và 5,1%/năm đối với dự án đóng tàu Aframax. Khoản vay sẽ được thanh toán trong 20 kỳ bán niên từ ngày 30 tháng 6 năm 2011 đến ngày 28 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (2) Khoản nợ từ bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua Tổng Công ty với số tiền là 581 tỷ đồng nhằm hỗ trợ cho Công ty thanh toán số tiền vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam đến hạn trả trong năm 2011. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất 2,5%/năm và sẽ đến hạn thanh toán khi tàu chở dầu thô Aframax đi vào hoạt động, dự kiến trong quý 2 năm 2015.
- (3) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam với tổng hạn mức là 10 triệu Đô la Mỹ để thực hiện dự án chuyển đổi tàu chở dầu thô 105.000 DWT thành kho nổi. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất 3%/năm trong năm đầu tiên và đến hạn thanh toán trong vòng mười năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 11 tháng 12 năm 2014). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã giải ngân với số tiền là 1.512.699 Đô la Mỹ.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	259.137.381.553	206.120.724.418
Trong năm thứ hai	272.016.823.781	245.320.724.418
Từ ba năm đến năm thứ năm	838.521.486.587	735.962.173.255
Sau năm năm	684.045.504.117	830.885.662.803
	2.053.721.196.038	2.018.289.284.894
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	259.137.381.553	206.120.724.418
Số phải trả sau 12 tháng	1.794.583.814.485	1.812.168.560.476

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần đã phát hành**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phần được phép phát hành	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	942.750.280.000	942.750.280.000
<u>Đã được phát hành và góp vốn đủ:</u>		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	942.750.280.000	942.750.280.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ đông VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	942.750.280.000	5.401.849.150	1.874.782.311	(67.797.888.692)	882.229.022.769
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	51.412.859.865	51.412.859.865
Tại ngày 31/12/2013	942.750.280.000	5.401.849.150	1.874.782.311	(16.385.028.827)	933.641.882.634
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.000.966.282	18.000.966.282
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(2.870.642.993)	(2.870.642.993)
Tại ngày 31/12/2014	942.750.280.000	5.401.849.150	1.874.782.311	(1.254.705.538)	948.772.205.923

(*) Thể hiện khoản trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-TBD/ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2014.

Chi tiết các cổ đông sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2014 và 31/12/2013	
	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	612.000.000.000	64,9
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	120.000.000.000	12,7
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	95.503.470.000	10,1
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	84.496.530.000	9,0
Các cổ đông khác	30.750.280.000	3,3
	942.750.280.000	100

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, chủ yếu được thực hiện từ các mỏ dầu thô đến Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.840.576.313	197.323.781.808
Chi phí nhân công	18.210.379.130	20.573.594.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.041.528.900	64.142.213.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.919.432.897	90.333.195.115
Chi phí khác	514.374.966.621	438.237.335.756
	732.386.883.861	810.610.121.035

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	2014	2013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	18.000.966.282	51.412.859.865
Điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>18.000.966.282</u>	<u>51.412.859.865</u>
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	94.275.028	94.275.028
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>191</u>	<u>545</u>

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí đã ký kết hợp đồng đóng tàu với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và chuyển giao cho Công ty. Giá trị ước tính của con tàu chứa dầu là 123.793.660 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng tàu là 1.530.090.932.848 đồng, được tập hợp và phản ánh trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tương đương 71.566.461 đô la Mỹ) (31 tháng 12 năm 2013: 1.108.081.445.290 đồng, tương đương 52.565.533 đô la Mỹ).

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.534.931.000</u>	<u>1.018.690.080</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.560.499.200	984.199.680
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>3.120.998.400</u>	<u>832.266.240</u>
	<u>4.681.497.600</u>	<u>1.816.465.920</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2012.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 17 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	12/31/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	2.053.721.196.038	2.018.289.284.894
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	197.033.770.377	497.230.243.612
Nợ thuần	1.856.687.425.661	1.521.059.041.282
Vốn chủ sở hữu	948.772.205.923	933.641.882.634
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,96</u>	<u>1,63</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.033.770.377	497.230.243.612
Đầu tư tài chính	594.000.000.000	526.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.867.150.722	331.595.163.635
Các khoản ký quỹ	400.000.000	166.000.000
	<u>980.300.921.099</u>	<u>1.354.991.407.247</u>

Công nợ tài chính

Các khoản vay	2.053.721.196.038	2.018.289.284.894
Phải trả người bán và phải trả khác	71.101.259.822	157.054.846.350
Chi phí phải trả	50.322.889.313	2.378.110.233
	<u>2.175.145.345.173</u>	<u>2.177.722.241.477</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.857.618.816	1.067.396.129	2.068.312.737.097	1.442.659.807.662
Yên Nhật (JPY)	27.543	27.543	-	-
Đô la Singapore (SGN)	11.086.438	20.744.858	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng với số tiền là 61.933.653.548 đồng (năm 2013: Lợi nhuận kế toán trước thuế giảm/tăng với số tiền là 43.247.772.346 đồng).

Phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật và đồng Đô la Singapore cho thấy không có ảnh hưởng trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 17) đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng với số tiền là 20.537.211.960 đồng (năm 2013: lợi nhuận trước thuế giảm/tăng 20.182.892.849 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và tương đương tiền	197.033.770.377	-	-	197.033.770.377
Đầu tư tài chính	414.000.000.000	180.000.000.000	-	594.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.867.150.722	-	-	188.867.150.722
Các khoản ký quỹ	10.000.000	390.000.000	-	400.000.000
	799.910.921.099	180.390.000.000	-	980.300.921.099
Các khoản vay	259.137.381.553	1.110.538.310.368	684.045.504.117	2.053.721.196.038
Phải trả người bán và phải trả khác	71.101.259.822	-	-	71.101.259.822
Chi phí phải trả	50.322.889.313	-	-	50.322.889.313
	380.561.530.688	1.110.538.310.368	684.045.504.117	2.175.145.345.173
Chênh lệch thanh khoản thuần	419.349.390.411	(930.148.310.368)	(684.045.504.117)	(1.194.844.424.074)
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và tương đương tiền	497.230.243.612	-	-	497.230.243.612
Đầu tư tài chính	366.000.000.000	160.000.000.000	-	526.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	331.595.163.635	-	-	331.595.163.635
Các khoản ký quỹ	10.000.000	156.000.000	-	166.000.000
	1.194.835.407.247	160.156.000.000	-	1.354.991.407.247
Các khoản vay	206.120.724.418	981.282.897.673	830.885.662.803	2.018.289.284.894
Phải trả người bán và phải trả khác	157.054.846.350	-	-	157.054.846.350
Chi phí phải trả	2.378.110.233	-	-	2.378.110.233
	365.553.681.001	981.282.897.673	830.885.662.803	2.177.722.241.477
Chênh lệch thanh khoản thuần	829.281.726.246	(821.126.897.673)	(830.885.662.803)	(822.730.834.230)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng công ty mẹ
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam -CTCP	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Ngân hàng Đại chúng Việt Nam)	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	663.193.701.241	822.119.174.909
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	<u>13.159.365.625</u>	<u>43.015.365.054</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.501.696.432	4.413.443.007
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	<u>171.728.299.493</u>	<u>264.711.597.405</u>
Nhận dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	6.269.804.817	4.209.278.246
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	49.596.533.363	21.970.822.618
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	75.859.753.923	73.729.598.543
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	36.541.288.711	66.589.274.104
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>6.400.000.000</u>
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	<u>93.742.302.245</u>	<u>89.402.245.224</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lương	1.106.494.444	1.273.382.017
Thù lao	<u>190.000.000</u>	<u>160.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNGTầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	142.044.369.462	253.699.292.059
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	13.448.491.875	-
Phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	187.449.285	2.169.663.844
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	925.603.892	213.285.129
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	23.003.200.000	43.003.200.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	-	1.079.166.667
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.634.852.220	17.431.598.724
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	5.184.402.635	10.192.276.468
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	13.668.590.879	11.387.031.940
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	13.865.928.378	4.058.273.798
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	880.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.456.000	17.556.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	28.367.109.225
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	957.552.500	4.549.622.501
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu	-	1.141.966.840
Đầu tư và cho vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	-	20.000.000.000
Các khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí		
Vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam	1.440.379.687.997	1.626.289.284.897
Vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	530.916.749.759	392.000.000.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Tiền	477.229.997.525	(472.136.115.500)	5.093.882.025
Các khoản tương đương tiền	20.000.246.087	472.136.115.500	492.136.361.587


Võ Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thái Đạo
Phụ trách kế toán



Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP VTK THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ dự báo tình hình thị trường và thực tế SXKD của đơn vị, Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2015 như sau:

1. Kế hoạch tài chính

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	830,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,70
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	11,05
5	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	942,75

2. Kế hoạch đầu tư

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2015		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
	Tổng cộng (I+II)	1.983,00	594,90	1.388,10	101,08	30,32	70,76
I	Đầu tư xây dựng cơ bản	1.983,00	594,90	1.388,10	101,08	30,32	70,76
1	Dự án nhóm A (chuyên tiếp): Dự án chuyển đổi tàu 105.000 DWT thành FSO cho mô Đại Hùng	1.983,00	594,90	1.388,10	101,08	30,32	70,76
II	Mua sắm tài sản cố định	0			0		

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty./.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Minh

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận
và trích lập các quỹ năm 2014**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Lãi/Lỗ lũy kế năm 2013 chuyển sang	(19.255.671.820)	
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN năm 2014 theo BCTC đã được Kiểm toán	18.424.385.159	
3	Thuế TNDN	423.418.877	
4	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2014 theo BCTC đã kiểm toán: = (2) – (3)	18.000.966.282	
5	Phương án phân phối lợi nhuận	1.200.048.314	
5.1	Trích các Quỹ	1.200.048.314	
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014): = 5% x (4)	900.048.314	5% x (4)
-	Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	300.000.000	
5.2	Chia cổ tức (không thực hiện)	-	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 sau khi trích lập các quỹ: = (4) – (5)	16.800.917.968	
7	Lãi/Lỗ lũy kế chuyển sang năm 2015: = (1) + (6)	(2.454.753.852)	

Số Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 sau khi trích lập còn lại thực hiện bù đắp kết quả sản xuất kinh doanh của các năm trước theo quy định.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Minh



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT PACIFIC
VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans Pacific) kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2014 và kế hoạch hoạt động năm 2015 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2014

Trong năm 2014, Ban kiểm soát Công ty bao gồm 03 thành viên:

1. Ông Trần Minh Bằng : Trưởng BKS
2. Ông Đoàn Đình Hiếu : Thành viên BKS
3. Bà Trương Thị Bích Hạnh : Thành viên BKS

Hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Pacific. Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo đúng kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã có những ý kiến đóng góp thiết thực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đã tập trung vào các vấn đề sau:

- Giám sát tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch 2014 của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty.
- Trình ĐHĐCĐ về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.
- Đánh giá, giám sát các thông tin trên báo cáo tài chính của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.
- Tham gia ý kiến với HĐQT Công ty đối với những vấn đề liên quan đến hoạt động như việc đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi mục đích dự án tàu 105.000 DWT

thành kho chứa nổi FSO phục vụ mỏ Đại Hùng, việc quản lý các khoản công nợ...

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

1. Hoạt động đầu tư năm 2014

Trong năm 2014, Pacific tiếp tục thực hiện dự án đầu tư đóng tàu 105.000 DWT và hoán cải tàu dầu thô 105.000 DWT thành FSO phục vụ cho mỏ Đại Hùng. Tổng mức đầu tư được phê duyệt của dự án là 123,79 triệu USD, giá trị đã giải ngân cho dự án trong năm 2014 là 422 tỷ đồng, đạt 54,5% so với kế hoạch (do tiến độ giải ngân cho DQS chậm). Tính đến hết năm 2014, tổng chi phí đầu tư đã thực hiện cho dự án là 1.530 tỷ đồng, tương đương với 58,2% tổng giá trị đầu tư được phê duyệt của dự án. Việc thực hiện chuyển đổi mục đích đầu tư của dự án đóng tàu Aframax 105.000 DWT thành FSO-105 phục vụ cho mỏ Đại Hùng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với Pacific, góp phần tháo dỡ rất nhiều khó khăn và tạo điều kiện cho Pacific có cơ hội phát triển bền vững trong tương lai.

2. Công tác lập báo cáo và tình hình tài chính

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau :

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và các văn bản bổ sung của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo tài chính đối với các doanh nghiệp, được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán, xét trên khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty là thực hiện khai thác tàu PVTrans Athena và các tàu thuê ngoài. Các chỉ tiêu hoạt động đã đạt được trong năm 2014 như sau:

Doanh thu thực hiện năm 2014: 807 tỷ đồng, đạt 117% so với kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế năm 2014: 18,42 tỷ đồng (hoàn thành vượt mức so với kế hoạch đề ra là 0 đồng)

Việc Doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch được giao là do tàu PVT Athena khai thác quốc tế với giá cho thuê cao hơn kế hoạch; giảm chi phí tài chính do chi phí chênh lệch tỷ giá thấp hơn so với dự kiến. Doanh thu tài chính tăng do Công ty có kế hoạch tài chính linh hoạt, thực hiện gửi vốn nhàn rỗi tại các tổ chức tín dụng để sinh lời 53,6 tỷ đồng. Ngoài ra, việc chủ trương tiết kiệm chi phí luôn được tập thể lãnh đạo và người lao động thực hiện tốt, đặc biệt là kiểm soát chi phí tiêu hao nhiên liệu cho đội tàu dầu thô.

4. Công tác quản lý điều hành của HĐQT, xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ

Bên cạnh việc tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhằm tối ưu hóa hiệu quả khai thác đội tàu dầu thô, trong năm 2014 Pacific đã tiếp tục triển khai mạnh mẽ công tác quản trị và quản lý tại đơn vị, đảm bảo tương thích với các quy định của Tổng Công ty và phù hợp với sự thay đổi pháp luật của Nhà nước.

Trong giai đoạn từ năm 2015 trở đi, Công ty cần phải tiếp tục nâng cao hơn nữa công tác quản lý và quản trị cho phù hợp với giai đoạn phát triển kinh doanh mới.

5. Công tác nhân sự, đào tạo

Pacific tiếp tục chú trọng xây dựng lực lượng lao động có chuyên môn cao qua công tác tuyển dụng gắn liền sàng lọc theo tiêu chí “tinh gọn và hiệu quả” phù hợp với quy mô hiện tại và đem lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Pacific triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, theo quy định của Điều lệ Công ty. Ngoài ra công ty cũng đã kiện toàn các tổ chức: Đảng, Công Đoàn...; Nội bộ công ty đoàn kết thống nhất, trong năm hoạt động công ty không có đơn thư khiếu nại tố cáo về bất kỳ nội dung nào liên quan đến quá trình hoạt động điều hành của công ty; điều đó thể hiện sự đoàn kết nhất trí cao trong bộ máy lãnh đạo và toàn thể CBCNV.

Tính đến thời điểm 31/12/2014, Hội đồng Quản trị đã ban hành 11 quy chế quản lý và 09 quy trình hướng dẫn công việc. Các Nghị quyết/QĐ của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động của Ban giám đốc

Ban giám đốc điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Công ty.

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.

V. Nhận xét

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty, đề nghị Đại hội thông qua báo cáo về tình hình hoạt động, báo cáo tài chính năm 2014 do HĐQT và Ban Điều hành trình Đại hội.

Trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động và Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT Pacific. Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đã luôn nỗ lực triển khai thực hiện và hoàn thành một cách tốt nhất các chỉ tiêu mà Tổng Công ty, Đại hội đồng cổ đông giao.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Pacific dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2015 như sau :

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ của Công ty;
- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và Báo cáo tài chính định kỳ;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, 6 tháng, hàng quý của Công ty;
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và tham dự một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị Công ty;
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát với các bộ phận liên quan của Công ty trong việc thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát để có những kiến nghị, đóng góp kịp thời nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Minh Bằng

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2015

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương năm 2015, căn cứ tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, các thành viên Ban kiểm soát đã thảo luận và nhất trí đề xuất Công ty TNHH Deloitte Việt Nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty dựa trên các cơ sở sau:

Thứ nhất, Công ty TNHH Deloitte nằm trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2015 đã được Bộ Tài chính công bố tại công văn số 16227/BTC-CĐKT ngày 29/11/2011, Deloitte cũng là một trong những công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam.

Thứ hai, Công ty TNHH Deloitte đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của PVTrans Pacific từ năm 2008 – 2014 và đạt kết quả tốt, đảm bảo về chất lượng, thời gian, đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Minh Bằng



Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

**V/v: Phê duyệt ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP
Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương với người có quyền và lợi ích liên quan**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Hội đồng Quản trị kính trình và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch giữa Pacific với người có quyền và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản c Mục 4 Điều 25 Điều lệ Công ty như sau:

1. Nội dung chính của Hợp đồng

- Hợp đồng: Hợp đồng cho thuê tàu trần FSO PVN Dai Hung Queen ký giữa Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans – cổ đông lớn nắm giữ 64,92% cổ phần) và Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans Pacific)
- Thời hạn Hợp đồng dự kiến: 10 năm.
- Giá trị hợp đồng dự kiến: hợp đồng có giá trị qui đổi trong thời hạn hợp đồng lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty (PVTrans Pacific) theo báo cáo tài chính năm 2014.

2. Giao cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo triển khai đàm phán Hợp đồng và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung của Hợp đồng/Phụ lục gia hạn và điều chỉnh Hợp đồng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Minh

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt ký kết Thỏa thuận khung giữa Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí và Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Hội đồng Quản trị kính trình và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua Thỏa thuận khung giữa Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans) và Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Pacific) với các nội dung như sau:

1. Mục đích và đối tượng của Thỏa thuận khung:

Thỏa thuận quy định các nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa Tổng công ty PVTrans và Pacific, quy định quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng công ty và Pacific nhằm nâng cao sức cạnh tranh, vị thế và uy tín của Tổng công ty và Pacific trên thị trường, đảm bảo phối hợp hoạt động hiệu quả giữa Tổng công ty, Pacific và các doanh nghiệp trong Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

2. Nội dung của Thỏa thuận khung

Dự thảo bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

- Nguyên tắc ký kết Thỏa thuận;
- Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của PVTrans;
- Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Pacific;
- Các thỏa thuận khác về sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hiệu lực ...

(Chi tiết các điều khoản theo dự thảo gửi kèm)

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc ký kết Thỏa thuận khung giữa PVTrans và Pacific theo như các nội dung trong dự thảo đính kèm./.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

*Đính kèm: Dự thảo Thỏa thuận khung giữa
PVTrans và Pacific*

Nguyễn Anh Minh

DỰ THẢO

THỎA THUẬN KHUNG

- Căn cứ theo Nghị quyết số/NQ-TBD-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương ngày về việc Ký kết Thỏa thuận khung giữa PV Trans và Pacific;
- Căn cứ theo Nghị quyết số/NQ-TBD-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương ngày

Thỏa thuận khung này được lập và ký kết tạivào ngàytháng.....năm 2015,

GIỮA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ (PV TRANS)

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Q 1, TP Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302743192, đăng ký lần đầu ngày 07/5/2007, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 02/10/2014.

Điện thoại: 84-8-39111301

Fax: 84-8-39111300

Sau đây gọi là “**Tổng công ty**”

Do Ông Phạm Việt Anh

Chức vụ: Tổng Giám đốc, làm đại diện

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC)

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Q 1, TP Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0305475110, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2008, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 15/07/2014.

Điện thoại: 84-8-38228546

Fax: 84-8-38228545

Sau đây được gọi là “**Đơn vị**”

Do Ông Lê Mạnh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”,

XÉT RẰNG:

- Các Bên mong muốn xây dựng và phát triển mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh và tự nguyện ký kết Thỏa thuận này;
- Các Bên mong muốn cùng xây dựng cơ chế thống nhất trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động giữa Tổng công ty và Đơn vị nhằm nâng cao sức cạnh tranh, vị thế và uy tín của Tổng công ty và Đơn vị cũng như các đơn vị thành viên Tổng công ty trên thị trường trong nước và quốc tế, đảm bảo cho các doanh nghiệp trong Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

VÌ VẬY:

Các Bên cùng thống nhất lập và ký kết Thỏa thuận khung (Thỏa thuận) với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Mục đích và đối tượng của Thỏa thuận

Thỏa thuận này quy định các nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa Tổng công ty và Đơn vị, quy định quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên trong việc phối hợp quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng công ty và Đơn vị nhằm nâng cao sức cạnh tranh, vị thế và uy tín của Tổng công ty và Đơn vị trên thị trường, đảm bảo phối hợp hoạt động hiệu quả giữa Tổng công ty, Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Thỏa thuận này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí” là công ty thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 358/2002/QĐ-VPCP ngày 27/5/2002 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và được chuyển đổi thành Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí theo quyết định số 758/QĐ-BCN ngày 30/3/2006 của Bộ Công nghiệp, hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo quy định của Điều lệ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định của Pháp luật.
- b) “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” là công ty mẹ trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; chi phối các công ty con và định hướng hoạt động của các doanh nghiệp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31/10/2013 của Chính phủ (gọi tắt là Điều lệ Tập đoàn) và quy định của Pháp luật.
- c) “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là tổ hợp doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, bao gồm:
 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn);
 - Các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo;
 - Doanh nghiệp thành viên Tập đoàn;
 - Doanh nghiệp liên kết Tập đoàn.

Tập đoàn và các doanh nghiệp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có tư cách pháp nhân; có vốn và tài sản riêng; có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình theo quy định của pháp luật và theo thoả thuận chung giữa các doanh nghiệp trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

- d) “Công ty con của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí” (gọi tắt là Công ty con Tổng công ty) là các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty liên doanh theo quy định của pháp luật.
- đ) “Công ty liên kết của Tổng công ty” là công ty có vốn góp của Tổng công ty dưới mức chi phối và không do Tổng công ty giữ quyền chi phối; tự nguyện tham gia liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với Tổng công ty.
- e) “Doanh nghiệp bị chi phối của Tổng công ty” (gọi tắt là Doanh nghiệp bị chi phối) là doanh nghiệp do Tổng công ty giữ quyền chi phối.
- g) “Quyền chi phối” là quyền của Tổng công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
 - Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
 - Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
 - Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị Giám đốc của doanh nghiệp;
 - Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;

- Các quyền chi phối khác theo thoả thuận giữa Tổng công ty và doanh nghiệp bị chi phối.

h) “Người đại diện theo uỷ quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp” (sau đây gọi tắt là “Người đại diện theo uỷ quyền”): là cá nhân được Tổng công ty uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

i) “Chức danh quản lý chủ chốt” bao gồm: Người đại diện theo uỷ quyền (Hội đồng quản trị/Chủ tịch Công ty), Ban quản lý và điều hành Công ty (Giám đốc, Kế toán trưởng, các Phó giám đốc) và Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

2. “Pháp luật” là các quy định pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các luật/bộ luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Thỏa thuận này được giải thích theo quy định pháp luật.

Điều 3: Nguyên tắc ký kết Thỏa thuận

Việc ký kết Thỏa thuận giữa Các Bên được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

1. Các Bên tự nguyện ký kết Thỏa thuận này trên cơ sở tôn trọng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Các Bên và đồng thuận nhất trí đối với các quy định về mối quan hệ giữa Các Bên trong hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát của Tổng công ty đối với Đơn vị;

2. Tổng công ty và Đơn vị có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; hoạt động trên cơ sở tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành và điều lệ tổ chức và hoạt động của Các Bên; tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình; chịu sự ràng buộc về quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên theo Thỏa thuận này;

3. Đơn vị phải tuân thủ quy chế hoạt động chung giữa Tổng công ty và Đơn vị quy định tại Thỏa thuận này hoặc các thỏa thuận khác có liên quan; tuân thủ định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Đơn vị với tư cách là doanh nghiệp trong Tổng công ty, đồng thời phải đảm bảo để các công ty con của mình có định hướng phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu,... xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

4. Tổng công ty đại diện cho Công ty mẹ và Đơn vị, thực hiện các hoạt động chung của Tổng công ty trong quan hệ với bên thứ ba trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác nhân danh Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

5. Đơn vị căn cứ vào các quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình, Điều lệ Tổng công ty và Thỏa thuận này để xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty và các quy định tại Thỏa thuận này.

Điều 4: Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng công ty

Tổng công ty có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Thực hiện theo quy định của Pháp luật và Thỏa thuận này các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn đã đầu tư vào Đơn vị; hoặc quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là doanh nghiệp nắm giữ quyền chi phối đối với Đơn vị; hoặc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Đơn vị mà Tổng công ty không nắm quyền chi phối.

Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành quy chế, quy định phân công, phân cấp cho Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty tại Đơn vị thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Đơn vị, cũng như quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty với tư cách là doanh nghiệp

nắm giữ quyền chi phối đối với Đơn vị phù hợp với quy định tại Thỏa thuận này và quy định của Pháp luật.

2. Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia quản lý, điều hành ở Đơn vị; quyết định/giới thiệu/chấp thuận để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chức danh quản lý chủ chốt tại Đơn vị theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ của Đơn vị và Thỏa thuận này; ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của Người đại diện theo uỷ quyền; quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Đơn vị; quy định những vấn đề phải được Tổng công ty thông qua trước khi Người đại diện theo uỷ quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại Đơn vị.

3. Sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn, quyền của cổ đông và/hoặc Quyền chi phối của Tổng công ty đối với Đơn vị, và quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty được quy định trong Thỏa thuận này để phối hợp định hướng hoạt động của Đơn vị trong khuôn khổ hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

- a) Định hướng chiến lược phát triển của Đơn vị theo chiến lược phát triển chung, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổng công ty theo nguyên tắc phân công lĩnh vực hoạt động và ngành nghề sản xuất kinh doanh.
- b) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu, chiến lược phát triển và sử dụng Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của Đơn vị theo chính sách chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của Tổng công ty.
- c) Định hướng xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Đơn vị trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty và Thỏa thuận này.
- d) Yêu cầu Đơn vị đảm bảo để các công ty con của Đơn vị (nếu có) định hướng phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu,... xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ và tiêu chuẩn, định mức chung áp dụng thống nhất trong phạm vi Tổng công ty và làm cơ sở để Đơn vị xây dựng quy chế hoạt động của doanh nghiệp.

5. Xây dựng Quy chế quản lý Thương hiệu Tổng công ty áp dụng chung cho toàn Tổng công ty và yêu cầu Đơn vị sử dụng Thương hiệu Tổng công ty/Tập đoàn phải tuân thủ các quy định của Quy chế này trong hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của Đơn vị theo quy định của Tổng công ty.

6. Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; xem xét hỗ trợ hoạt động tài chính cho Đơn vị khi Đơn vị đề nghị; xem xét hỗ trợ Đơn vị thông qua hình thức cấp bảo lãnh của công ty mẹ đối với công ty con trên cơ sở tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành.

7. Yêu cầu Đơn vị báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Đơn vị với tư cách là chủ sở hữu phần vốn hoặc cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối, cũng như quyền chi phối tại Đơn vị để phục vụ công tác quản lý, điều hành chung của Tổng công ty; tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đột xuất và đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của Đơn vị theo

8. Đơn vị sử dụng Thương hiệu Tập đoàn/Tổng công ty phải tuân thủ các quy định tại Quy chế quản lý Thương hiệu Tập đoàn, của Tổng công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc đặt tên viết tắt, tên thương mại của Đơn vị.

9. Phối hợp với Tổng công ty và doanh nghiệp trong Tổng công ty hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro theo quy định Pháp luật và Thỏa thuận này; đề nghị Tổng công ty hỗ trợ hoạt động tài chính cho Đơn vị trong trường hợp cần thiết, bao gồm cả hình thức cấp bảo lãnh của công ty mẹ đối với công ty con trên cơ sở tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành.

10. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn Tổng công ty, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Đơn vị khi Tổng công ty yêu cầu với tư cách là chủ sở hữu phần vốn hoặc cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối, cũng như quyền chi phối tại Đơn vị; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đột xuất của Tổng công ty để đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo quy định tại các quy chế quản lý nội bộ áp dụng chung do Tổng công ty ban hành và Đơn vị đã đồng ý tuân thủ thực hiện khi ký kết Thỏa thuận này.

11. Được Tổng công ty cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác; được quyền tham gia đấu thầu thực hiện các dự án có tính đặc thù thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty và Đơn vị.

12. Kiến nghị Tổng công ty bảo vệ các lợi ích hợp pháp của Đơn vị; đề nghị Tổng công ty thay mặt hoặc nhân danh Đơn vị làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc liên quan đến chính sách, Pháp luật của Nhà nước.

13. Tham vấn cho Tổng công ty trong việc thực hiện các hoạt động chung; phối hợp với Tổng công ty cũng như các doanh nghiệp trong Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 6: Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt Thỏa thuận

1. Sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận:

Mọi sửa đổi, bổ sung đối với nội dung của Thỏa thuận này phải được Các Bên thống nhất bằng văn bản. Các Bên có thể cụ thể hoá, sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần các quy định của Thỏa thuận này bằng các phụ lục và các phụ lục này là phần không thể tách rời của Thỏa thuận này.

2. Thỏa thuận này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn (bao gồm cả trường hợp Đơn vị không còn là Công ty con hay Công ty liên kết của Tổng công ty);
- b) Một trong Các Bên đơn phương chấm dứt Thỏa thuận theo quy định tại Thỏa thuận này;
- c) Trường hợp một trong Các Bên tuyên bố phá sản, giải thể, chuyển đổi, hợp nhất, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp;
- d) Các trường hợp khác mà pháp luật quy định Thỏa thuận phải chấm dứt hiệu lực.

3. Đơn phương chấm dứt Thỏa thuận:

Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trong các trường hợp sau đây:

- a) Một trong Các Bên vi phạm các cam kết trong việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của Thỏa thuận này.
- b) Trường hợp bất khả kháng không thể thực hiện được Thỏa thuận này. Bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra không lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của Các Bên theo quy định của Pháp luật bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, bão, lũ, động đất, bệnh dịch, chiến tranh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc sự thay đổi pháp luật... Khi có sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng của sự kiện này phải thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng kèm theo các chứng cứ hợp pháp để chứng

quy định tại quy chế quản lý nội bộ áp dụng chung cho Tổng công ty và Đơn vị đã đồng ý tuân thủ thực hiện khi ký kết Thỏa thuận này.

8. Tổng công ty tổ chức và chỉ đạo Đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của Bộ Tài chính nhằm phục vụ cho công tác điều hành giám sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ/đợt xuất và đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành, thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 7 Điều này.

9. Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho Đơn vị; làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty để thực hiện đấu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các Đơn vị cùng thỏa thuận và thực hiện.

10. Thay mặt Đơn vị quan hệ với bên đối tác thứ ba trong trường hợp Tổng công ty thực hiện các hoạt động chung của Tổng công ty; thay mặt Đơn vị (nếu Đơn vị đề nghị) làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc liên quan đến chính sách, Pháp luật của Nhà nước.

11. Tham vấn Đơn vị trong việc thực hiện các hoạt động chung; làm đầu mối phối hợp, xây dựng cơ chế phối hợp, điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh giữa Đơn vị và các doanh nghiệp trong Tổng công ty; phối hợp với Đơn vị cũng như các doanh nghiệp trong Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 5: Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Đơn vị

Đơn vị có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đơn vị được quy định tại Thỏa thuận này, Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị và theo quy định Pháp luật.

2. Thực hiện quy chế cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chức danh quản lý chủ chốt tại Đơn vị, cũng như việc thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của Người đại diện theo uỷ quyền theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ của Đơn vị và Thỏa thuận này.

3. Quyết định lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Đơn vị trên cơ sở định hướng phân công của Tổng công ty về lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của Đơn vị trong khuôn khổ hoạt động của Tổng công ty.

4. Quyết định chiến lược phát triển theo chiến lược phát triển chung, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổng công ty; xác định mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, chiến lược phát triển và sử dụng Thương hiệu Tập đoàn/Tổng công ty, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác theo chính sách chung của Tổng công ty

5. Xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đảm bảo Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị không được trái với Điều lệ Tổng công ty, Thỏa thuận này và quy định Pháp luật.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị phù hợp với quy chế hoạt động, điều hành, quy chế quản lý nội bộ và tiêu chuẩn, định mức chung do Tổng công ty ban hành và áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn Tổng công ty.

7. Đảm bảo để các công ty con của Đơn vị (nếu có) định hướng phát triển, định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và phát triển thị trường, xuất khẩu,... xây dựng nội dung Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động, cũng như các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với định hướng hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

minh và phải tìm mọi biện pháp để khắc phục hoặc biện pháp thay thế khác để làm giảm thiểu tối đa hệ quả phát sinh do sự kiện bất khả kháng đó và để thực hiện nghĩa vụ quy định trong Thỏa thuận này. Các Bên không phải chịu trách nhiệm trước Bên còn lại về việc không thực hiện nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều này.

Trường hợp mong muốn đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn, Bên muốn đơn phương chấm dứt Thỏa thuận phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước thời điểm chấm dứt Thỏa thuận 30 ngày làm việc (không kể ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật).

Điều 7: Thông báo

Mọi thông báo liên quan đến Thỏa thuận này phải được Các Bên làm thành văn bản, do Người đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên ký, được gửi trực tiếp hoặc theo hình thức thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyên phát nhanh, fax hay e-mail tới địa chỉ dưới đây (hoặc địa chỉ khác được Các Bên thông báo cho nhau nhằm thực hiện quy định tại Điều này).

1. **Tổng công ty:**

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P.Đakao, Q.1, TP.HCM.

Điện thoại: 84-8-39111301

Fax: 84-8-39111300

E-mail: info@pvtrans.com.

2. **Đơn vị:**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P.Đakao, Q.1, TP.HCM.

Điện thoại: 84-8-38228546

Fax: 84-8-38228545

E-mail: pacific@pvtrans.com.

Điều 8: Hiệu lực của Thỏa thuận

Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tại thời điểm ký Thỏa thuận này, Các Bên xác nhận đã đồng thuận thống nhất hoàn toàn và hiểu biết đầy đủ giữa Các Bên đối với các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên được quy định trong Thỏa thuận này để cùng thực hiện. Các Bên cam kết tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ của mỗi Bên và các quy định Pháp luật có liên quan để đảm bảo Thỏa thuận này có hiệu lực sau khi các Bên ký kết.

Trong trường hợp một hoặc một số điều khoản của Thỏa thuận này không còn hiệu lực hay trở thành không có hiệu lực theo thỏa thuận của Các Bên thì các điều khoản còn lại không bị ảnh hưởng và vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 9: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Thỏa thuận này được hiểu, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Các nội dung không được quy định trong Thỏa thuận này sẽ được Các Bên thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan tới việc ký kết, hiệu lực, thực hiện, vi phạm hay chấm dứt Thỏa thuận này được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa Các Bên.

Điều 10: Điều khoản thi hành

Các Bên cùng thống nhất nội dung các điều khoản của Thỏa thuận này và cam kết đã nhận được sự phê duyệt, cho phép cần thiết của cấp có thẩm quyền theo quy định Pháp luật khi ký kết Thỏa thuận này.

Thỏa thuận này được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của Các Bên.

Thỏa thuận này được lập thành 4 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 2 bản./.

Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí

Tổng Giám đốc

(Ký tên & đóng dấu)

Công ty CP VTDK Thái Bình Dương

Giám đốc

(Ký tên & đóng dấu)

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2014 và kế hoạch năm 2015

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều lệ Công ty và Nghị quyết số 01/TBD-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/5/2014 về việc phê duyệt dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2014, Hội đồng Quản trị báo cáo ĐHĐCĐ việc thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2014 và kế hoạch năm 2015 như sau:

1. Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2014

- Thù lao TV HĐQT không chuyên trách năm 2014: Chủ tịch THĐQT - 3,0 triệu đồng/tháng; Ủy viên HĐQT- 2,0 triệu đồng/tháng.
- Thù lao TV BSK không chuyên trách năm 2014: Trưởng ban kiểm soát – 2,0 triệu đồng/tháng; thành viên BKS – 1,0 triệu đồng/tháng.
- Tổng số tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2014 thực hiện đúng bằng kế hoạch được phê duyệt là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

2. Kế hoạch thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015

Trên cơ sở nhân sự HĐQT, BKS năm 2015; căn cứ Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty Pacific, kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2015 như sau:

- Thù lao TV HĐQT không chuyên trách: CTHĐQT- 3,0 triệu đồng/tháng; Ủy viên HĐQT- 2,0 triệu đồng/tháng. Đối với TV HĐQT là Giám Đốc Công ty áp dụng theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.
- Thù lao TV BSK không chuyên trách: Trưởng ban kiểm soát - 1,5 triệu đồng/tháng; thành viên BKS – 1,0 triệu đồng/tháng.
- Tổng kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS không chuyên trách năm 2015 là **123.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), chi tiết như bảng sau:

Stt	Nội dung	Số người	Số tháng	Mức thù lao/tháng	Kế hoạch 2015
1	Thành viên HĐQT				81.000.000
	Chủ tịch	1	3	3.000.000	9.000.000
	Ủy viên HĐQT (không là Giám đốc Công ty)	3	12	2.000.000	72.000.000

Stt	Nội dung	Số người	Số tháng	Mức thù lao/tháng	Kế hoạch 2015
2	Thành viên Ban Kiểm soát				42.000.000
	Trưởng Ban Kiểm soát	1	12	1.500.000	18.000.000
	Thành viên Ban Kiểm soát	2	12	1.000.000	24.000.000
Tổng cộng					123.000.000

- Lương, thưởng của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách và thành viên kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty được áp dụng theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Minh

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: **Phê chuẩn việc HĐQT bầu thay thế thành viên HĐQT**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê chuẩn việc HĐQT bầu thay thế thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans Pacific) như sau:

Hội đồng Quản trị Công ty Pacific nhiệm kỳ 2013-2018 gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 bầu ra bao gồm:

1. Ông Trần Tuấn Nam – Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).
2. Ông Lê Mạnh Tuấn – Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).
3. Ông Nguyễn Ngọc Linh - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).
4. Ông Dương Quang Tạo - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI).
5. Ông Vũ Quang Đông - Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (VCBS).

Tháng 03/2015, ông Trần Tuấn Nam đã có đơn xin từ nhiệm và HĐQT đã bầu ông Nguyễn Anh Minh thay thế ông Trần Tuấn Nam vào Hội đồng Quản trị và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách từ ngày 01/04/2015 (Nghị Quyết số 02/NQ-TBD-HĐQT ngày 27/03/2015).

Hội đồng Quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu thay thế TV HĐQT như trên./.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

*Đính kèm: Lý lịch trích ngang
của ông Nguyễn Anh Minh*

Nguyễn Anh Minh

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Họ và tên : **Nguyễn Anh Minh**
Sinh ngày : 16/09/1971 tại Hà Nội.
Quê quán : Nam Giang, Nam Trực, Nam Định.
Dân tộc : Kinh
Trình độ : Cử nhân kinh tế ngoại thương, Thạc sĩ Quản trị dự án
Ngoại ngữ : tiếng Anh, tiếng Nga.

Tóm tắt quá trình công tác

- Từ 1993 – 1994 : Cán bộ Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí PTSC.
- Từ 01/1995 – 09/2002 : Cán bộ Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).
- Từ 10/2002 – 02/2004 : Chuyên viên Phòng Khai thác - Công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans).
- Từ 02/2004 – 03/2008 : Trưởng phòng Khai thác - Công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans).
- Từ 03/2008 – 07/2014 : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans).
- Từ 07/2014 – 03/2015 : TV.HĐQT/Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông,
- Hội đồng Quản trị
Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

Tôi tên là : Trần Tuấn Nam

Hiện nay, tôi đang là thành viên HĐQT – giữ chức Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm) của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Pacific), đồng thời là Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty PV Trans nắm giữ 30.000 cổ phần (tương đương 31,82% vốn điều lệ) tại Pacific. Tuy nhiên, do công tác luân chuyển cán bộ tại PV Trans nên tôi không thể tiếp tục tham gia Hội đồng Quản trị của Công ty Pacific. Vì vậy, tôi làm đơn này xin được thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Pacific kể từ ngày 01/04/2015.

Kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người làm đơn



Trần Tuấn Nam